

QUY TẮC BẢO HIỂM TỰ NGUYÊN XE CƠ GIỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 370./2018/QĐ-PTI ngày 26/12/2018
của Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện)

LƯU Ý QUAN TRỌNG

1. Khách hàng đọc kỹ điều kiện, điều khoản trong Quy tắc trước khi tham gia bảo hiểm;
2. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, khách hàng vui lòng thông báo ngay cho PTI theo số điện thoại **1900545475** để được hỗ trợ và hướng dẫn khắc phục hậu quả tai nạn, giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho quý khách ✓

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

CHƯƠNG II: BẢO HIỂM THIẾT HẠI VẬT CHẤT XE CƠ GIỚI

CHƯƠNG III: BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

CHƯƠNG IV: BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN TRÊN XE

CHƯƠNG V: BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE CƠ GIỚI ĐỐI VỚI NGƯỜI THỨ BA VÀ HÀNH KHÁCH TRÊN XE THEO MỨC TRÁCH NHIỆM TỰ NGUYỆN

CHƯƠNG VI: CÁC ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM BỔ SUNG

Áp dụng cho các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ (sau đây gọi là xe cơ giới). Không bao gồm xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp điện, xe máy điện và các loại xe tương tự. Cụ thể:

- Xe Ô tô chở hàng:

+ Ô tô tải (hay còn gọi là xe tải) là xe ô tô để chở hàng hoặc thiết bị chuyên dùng có khối lượng chuyên chở cho phép xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ từ 1.500 kg trở lên. Hoặc xe ô tô chở hàng với khối lượng chuyên chở cho phép dưới 1.500 kg;

+ “Rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc”: là chỉ phương tiện có kết cấu để sao cho khối lượng toàn bộ của rơ-moóc không đặt lên ô tô kéo.

+ “Ô tô đầu kéo”: là chỉ những loại xe cơ giới chuyên chở hàng hóa mà thùng xe là sơ-mi rơ-moóc được thiết kế nối với ô tô đầu kéo và truyền một phần trọng lượng đáng kể lên ô tô đầu kéo và ô tô đầu kéo không có bộ phận chở hàng hóa hoặc chở người (ô tô đầu kéo là ô tô được thiết kế để kéo sơ-mi rơ moóc).

- Xe ô tô chở người:

+ “Xe ô tô con”: (hay còn gọi là xe con) là xe ô tô được xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, để chở người không quá 9 chỗ ngồi kể cả lái xe.

+ “Ô tô khách”: (hay còn gọi là xe khách) là xe ô tô được xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ để chở người với số lượng lớn hơn 9 người.

+ “Xe buýt”: là xe ô tô khách có số chỗ ngồi ít hơn số chỗ đứng hoặc là xe ô tô khách được quy định sử dụng vận tải hành khách công cộng.

Xe Ô tô vừa chở người vừa chở hàng:


+ “Xe bán tải”: (xe pickup) có kết cấu thùng chở hàng đi liền với thân xe, có khối lượng chuyên chở cho phép xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống.

+ Xe vừa chở người vừa chở hàng còn lại: Xe tải van – ô tô thùng kín có khoang chở hàng liền khối với khoang người ngồi có bố trí cửa xếp dỡ hàng. Hoặc các loại xe vừa chở người vừa chở hàng khác theo quy định của pháp luật.

+ Xe Ô tô chuyên dùng là ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng công dụng đặc biệt, bao gồm: Ô tô quét đường; ô tô hút chất thải; ô tô trộn vữa; ô tô trộn bê tông; ô tô bơm bê tông; ô tô cần cẩu; ô tô thang; ô tô khoan; ô tô cứu hộ giao thông; ô tô chuyên dùng loại khác như ô tô truyền hình lưu động, ô tô đo sóng truyền hình lưu động, ô tô kiểm tra và bảo dưỡng cầu, ô tô kiểm tra cáp điện ngầm, ô tô chụp X-quang, ô tô phẫu thuật lưu động

- Xe máy chuyên dùng gồm xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ.

- Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chạy bằng động cơ, có kết cấu để chở người, hai trục, ít nhất bốn bánh xe, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, số chỗ ngồi tối đa không quá 15 chỗ (kể cả chỗ ngồi của người lái)

Trên cơ sở Chủ xe yêu cầu tham gia bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm theo thỏa thuận, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (gọi tắt là PTI) nhận bảo hiểm các loại hình bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới theo các điều kiện, điều khoản quy định trong Quy tắc bảo hiểm này. 

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới là sự thỏa thuận giữa Chủ xe cơ giới và PTI, theo đó Chủ xe cơ giới phải đóng đủ phí bảo hiểm, PTI phải bồi thường cho Chủ xe cơ giới khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm bao gồm: Điều khoản; Giấy yêu cầu bảo hiểm có chữ ký của Chủ xe cơ giới hoặc người đại diện hợp pháp của Chủ xe cơ giới; Giấy chứng nhận bảo hiểm là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng bảo hiểm; Sửa đổi bổ sung và các thỏa thuận khác (nếu có)...

Điều 2. Phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm và mức trách nhiệm bảo hiểm

Phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm và mức trách nhiệm bảo hiểm được thỏa thuận và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

Đối với bảo hiểm thiệt hại vật chất xe cơ giới Số tiền bảo hiểm là số tiền mà Chủ xe cơ giới yêu cầu PTI bảo hiểm cho xe của mình và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 3. Hiệu lực bảo hiểm

Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 4. Chuyển quyền sở hữu

Trong thời hạn còn hiệu lực ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe cơ giới thì mọi quyền lợi bảo hiểm liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm của Chủ xe cơ giới cũ vẫn còn hiệu lực đối với Chủ xe cơ giới mới trừ trường hợp Chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

1. Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong trường hợp Chủ xe cơ giới không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm giao kết ban đầu và PTI không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực, PTI sẽ hoàn lại cho Chủ xe cơ giới phần phí bảo hiểm đã đóng thừa (nếu có) hoặc yêu cầu Chủ xe cơ giới đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. PTI không hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm và PTI đã/sẽ phải bồi thường/trả tiền bảo hiểm.

2. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm.

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia.

Trường hợp Chủ xe cơ giới chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn phải thông báo bằng văn bản cho PTI. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ xe cơ giới, PTI phải hoàn lại cho Chủ xe cơ giới 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. PTI không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Trường hợp PTI đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày PTI thông báo bằng văn bản cho Chủ xe cơ giới, PTI sẽ hoàn lại phí bảo hiểm cho Chủ xe cơ giới tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 6. Trách nhiệm của Chủ xe cơ giới, Lái xe

1. Khi yêu cầu bảo hiểm, Chủ xe cơ giới hoặc Người đại diện, Người được uỷ quyền hợp pháp của Chủ xe cơ giới đọc và hiểu rõ quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới của PTI và phải kê khai đầy đủ và trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm. Chủ xe phải đóng phí đầy đủ và đúng hạn theo qui định tại Hợp đồng bảo hiểm hay theo thỏa thuận của Phụ lục Hợp đồng bảo hiểm (nếu có).

2. Tạo điều kiện thuận lợi để PTI xem xét tình trạng xe trước khi cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.

3. Trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, Chủ xe cơ giới phải thông báo cho PTI chậm nhất trong vòng 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó.

3.1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì Chủ xe cơ giới có quyền yêu cầu PTI giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của Chủ xe cơ giới, PTI phải có công văn trả lời Chủ xe cơ giới về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí và thời hạn hoàn trả phí bảo hiểm được giảm.

Trường hợp PTI không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì Chủ xe cơ giới có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Quy tắc này.

3.2. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì PTI có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp Chủ xe cơ giới không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì PTI có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Quy tắc này.

4. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

5. Khi xảy ra tổn thất, Chủ xe cơ giới và/hoặc Lái xe phải có trách nhiệm:

5.1. Tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn, bảo vệ tài sản đồng thời phải báo ngay cho cơ quan Công an, Chính quyền địa phương nơi xảy ra tổn thất và PTI để phối hợp giải quyết tai nạn.

5.2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn (trừ trường hợp bất khả kháng), Chủ xe cơ giới phải gửi cho PTI thông báo tai nạn bằng văn bản (theo mẫu của PTI cung cấp).

Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ, Chủ xe cơ giới và/hoặc Lái xe phải báo ngay cho cơ quan Công an và/hoặc Chính quyền địa phương nơi xảy ra sự việc và trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm phát hiện phải thông báo bằng văn bản cho PTI.

5.3. Không được tự ý di chuyển hoặc tháo dỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của PTI, trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế

thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

6. Chủ xe cơ giới phải trung thực trong việc kê khai thông tin liên quan đến tai nạn, thu thập, cung cấp các tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho PTI trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.

7. Trường hợp mất Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đổi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc thay đổi biển số xe phải thông báo cho PTI để làm thủ tục cấp lại.

8. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, Chủ xe cơ giới phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của PTI để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho PTI kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với PTI để đòi lại Người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được PTI bồi thường.

9. Đối với các tài sản bị thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được PTI chấp thuận bồi thường, Chủ xe cơ giới/Lái xe sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho PTI.

Trường hợp Chủ xe cơ giới và/hoặc Lái xe không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định trên thì PTI có thể giảm trừ số tiền bồi thường quy định tại Điều 13 Quy tắc này.

Điều 7. Trách nhiệm của PTI

1. Giải thích cho Chủ xe cơ giới/Lái xe về Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm; quyền lợi và trách nhiệm của Chủ xe cơ giới/Lái xe khi tham gia bảo hiểm.

2. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày làm việc trong trường hợp PTI phải tiến hành xác minh hồ sơ. Trường hợp PTI không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Sau 90 ngày kể từ ngày PTI có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì PTI phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng từ thu thập được.

3. Trường hợp từ chối bồi thường, PTI phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày (ngoại trừ trường hợp phải tiến hành xác minh theo quy định tại khoản 2 Điều 7) kể từ ngày PTI nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ.

4. Phối hợp chặt chẽ với Chủ xe cơ giới/Lái xe và cơ quan chức năng để giải quyết tổn thất

5. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Chủ xe cơ giới/Lái xe, PTI sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất

6. PTI có trách nhiệm hướng dẫn Chủ xe cơ giới/Lái xe thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 9 Quy tắc này.

7. PTI có trách nhiệm đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe được bảo

hiểm và có trách nhiệm hoàn phí (trừ khi đã có sự kiện bảo hiểm) hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 8. Giám định tổn thất

1. Khi xảy ra tổn thất, PTI hoặc người được PTI ủy quyền sẽ tiến hành giám định thiệt hại về tài sản với sự có mặt của Chủ xe cơ giới/Lái xe, các bên liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của Chủ xe cơ giới/Lái xe hoặc Người đại diện, Người được ủy quyền hợp pháp của Chủ xe cơ giới và hoặc các bên liên quan. PTI chịu trách nhiệm về chi phí giám định.

2. Trường hợp Chủ xe cơ giới/Lái xe không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do PTI xác định, hai bên thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập thực hiện việc giám định. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì một trong các bên được quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án chỉ định giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của giám định độc lập do Tòa án chỉ định có giá trị bắt buộc đối với các bên.

3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập do Tòa án chỉ định dẫn đến số tiền bồi thường cao hơn số với số tiền bồi thường theo kết luận giám định của PTI, chi phí giám định độc lập do PTI chi trả. Trường hợp kết luận của giám định độc lập do Tòa án chỉ định dẫn đến số tiền bồi thường thấp hơn hoặc bằng số tiền bồi thường so với số tiền bồi thường theo kết luận giám định của PTI, Chủ xe cơ giới/Lái xe phải trả chi phí giám định độc lập.

4. Trong trường hợp đặc biệt, PTI không thể thực hiện được việc giám định thì PTI có trách nhiệm hướng dẫn Chủ xe cơ giới/Lái xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại (nếu có) và các tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 9. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

1. Tài liệu do Chủ xe cơ giới cung cấp:

1.1. Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường của Chủ xe cơ giới (mẫu của PTI).

1.2. Tài liệu liên quan đến xe, Lái xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao có ký tên xác nhận của nhân viên PTI sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:

a) Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có).

b) Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của người điều khiển xe bị tổn thất.

c) Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có).

d) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam).

1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại:

a) Đối với bảo hiểm vật chất xe (Chương II)

- Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại.
- Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Chủ xe cơ giới đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của PTI.
- Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ:
 - + Đơn trình báo bị mất trộm, mất cướp xe cơ giới có xác nhận của cơ quan Công an tại khu vực bị mất.
 - + Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp xe cơ giới được bảo hiểm.
 - + Kết luận điều tra (nếu có) hoặc Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp xe cơ giới được bảo hiểm.
 - + Đơn trình báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan Công an.

b) Đối với bảo hiểm tai nạn lái, phụ xe và người ngồi trên xe (chương III)

- Chứng từ y tế xác định tình trạng thương tích của người bị nạn: giấy ra viện, hồ sơ bệnh án, giấy chứng nhận thương tật do cơ quan có thẩm quyền xác nhận.
- Trường hợp tử vong cần có giấy chứng tử hoặc Biên bản khám nghiệm tử thi hoặc Kết luận điều tra của cơ quan công an có ghi nhận về tử vong hoặc Bản án của tòa án có ghi nhận tử vong, giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp.

c) Đối với bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với hàng hóa vận chuyển trên xe (chương IV)

- Chứng từ xác định nguồn gốc, giá trị hàng hóa: Hợp đồng vận chuyển, Hóa đơn mua bán, Phiếu xuất kho và hoặc Phiếu vận chuyển hàng hóa (ghi rõ tên chủng loại hàng hóa, khối lượng, số lượng, biển số xe vận chuyển).
- Chứng từ xác định thiệt hại hàng hóa: Biên bản giám định và Ảnh chụp chi tiết thiệt hại, Phiếu nhập kho và hoặc Biên bản giao nhận hàng hoá (ghi rõ tên chủng loại hàng hóa, khối lượng, số lượng);
 - + Trường hợp bán thanh lý hàng hóa: Biên bản thanh lý (ghi rõ tên chủng loại hàng hóa, khối lượng, số lượng), ảnh chụp hàng hóa thanh lý, Hóa đơn bán thanh lý (nếu có);
 - + Trường hợp hàng hóa bị thiệt hại phải tiêu hủy: Ảnh chụp chi tiết hàng hóa hủy, Biên bản hủy hàng hóa bị thiệt hại (ghi rõ tên chủng loại hàng hóa, khối lượng, số lượng có xác nhận của PTI và chủ hàng và nhân chứng)
- Chứng từ thể hiện việc giải quyết bồi thường thiệt hại của chủ xe đối với chủ hàng.
- Chứng từ thể hiện các chi phí khác cần thiết và hợp lý (nếu có)

d) Đối với bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba và hành khách trên xe theo mức trách nhiệm tự nguyện (Chương V):



Hồ sơ gồm các tài liệu được quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định Quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

1.4. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải).

1.5. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có).

1.6. Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền của chủ xe cho PTI đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại (Người thứ ba) cho xe được bảo hiểm mà Chủ xe cơ giới đã yêu cầu PTI bồi thường và được PTI giải quyết trả tiền bảo hiểm.

2. Tài liệu do PTI phối hợp với Chủ xe cơ giới để thu thập:

2.1. Bản sao có xác nhận của cơ quan Công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan Công an, bao gồm:

a) Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có).

b) Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có).

c) Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có).

d) Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có).

d) Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có).

e) Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải)

2.2. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba (nếu có).

2.3. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.

3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 10. Bảo hiểm trùng (không áp dụng đối với bảo hiểm tai nạn Lái, Phụ xe và Người ngồi trên xe)

Hợp đồng bảo hiểm trùng là trường hợp bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm. Tổng số tiền bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm không vượt quá giá trị thiệt hại thực tế của xe cơ giới. Việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm, PTI chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm mà Chủ xe cơ giới/Lái xe đã tham gia bảo hiểm.

2. Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm, PTI chịu trách nhiệm bồi thường theo từng hợp đồng đã ký kết.

Điều 11. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.

2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của PTI là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Chủ xe cơ giới nhận được Thông báo bồi thường của PTI. Quá thời hạn nêu trên PTI sẽ không giải quyết khiếu nại.

Trường hợp Chủ xe cơ giới không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

3. Thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng bảo hiểm là 03 (ba) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp từ Hợp đồng bảo hiểm.

4. Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm, nếu PTI và Chủ xe cơ giới không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết.

Điều 12. Những điểm loại trừ chung

PTI không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Chủ xe cơ giới, Lái xe hoặc của người bị thiệt hại hoặc người có quyền lợi liên quan đến sở hữu và khai thác sử dụng xe.

2. Tại thời điểm xe tham gia giao thông xảy ra tổn thất, xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điểm loại trừ này không áp dụng đối với xe trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký lần đầu tiên tại Việt Nam.

3. Lái xe không có Giấy phép lái xe/Giấy phép điều khiển xe hoặc Giấy phép lái xe/Giấy phép điều khiển xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe.

Trường hợp Lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe/Giấy phép điều khiển xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe (Áp dụng khi xe tham gia giao thông có người điều khiển).

4. Lái xe trong tình trạng sử dụng bia, rượu hoặc có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, trong cơ thể có chất ma túy hoặc chất kích thích khác bị cấm theo quy định của pháp luật.

5. Xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định; xe đi vào đường cấm, khu vực cấm; rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm; đi ngược chiều của đường một chiều; vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông. Xe gắn biển kiểm soát khác biển kiểm soát trên đăng ký xe.

6. Xe sử dụng để đua (hợp pháp hoặc bất hợp pháp), xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật, xe chạy thử sau khi sửa chữa (PTI sẽ nhận bảo hiểm nếu bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung).

7. Xe chở hàng, chất cháy, chất nổ trái phép theo quy định của pháp luật.

8. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (PTI sẽ nhận bảo hiểm nếu bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung).

9. Thiệt hại xảy ra trong những trường hợp: Chiến tranh, khủng bố; bom mìn hoặc các thiết bị gây nổ.

10. Xe chở/kéo/cầu quá tải trọng hoặc quá số lượng người quy định từ 50% trở lên theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (đối với xe chở hàng căn cứ vào tải trọng, xe chở người căn cứ vào số người chở trên xe, đối xe vừa chở người vừa chở hàng căn cứ vào tải trọng hoặc số người chở trên xe). Xe chạy vượt quá từ 50% trở lên tốc độ cho phép tại đoạn đường xảy ra tai nạn.

Các điểm loại trừ 2,4,5,6,7,8,10 không áp dụng với bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba và hành khách trên xe theo mức trách nhiệm tự nguyện. Các điểm loại trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba và hành khách trên xe theo mức trách nhiệm tự nguyện được quy định cụ thể tại Điều 12 Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính.

Các điểm loại trừ 1, 2, 3, 4, 5, 7, 10 không áp dụng đối với bảo hiểm tai nạn Phụ xe và Người ngồi trên xe.

Điều 13. Giảm trừ bồi thường (không áp dụng đối với bảo hiểm tai nạn Lái, Phụ xe và Người ngồi trên xe)

1. PTI có quyền thực hiện giảm trừ bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:

1.1. Giảm trừ từ 10% đến 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp:

a. Khi bị tổn thất Chủ xe cơ giới không thông báo ngay cho PTI và không gửi Thông báo tổn thất bằng văn bản cho PTI trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn; không thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng).

b. Chủ xe cơ giới không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn.

c. Xe vượt tại khu vực có biển quy định cấm vượt.


1.2. Giảm trừ từ 30% đến 50% số tiền bồi thường trong trường hợp Chủ xe cơ giới tự ý di chuyển khỏi hiện trường, tự ý tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của PTI (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền). Thời gian tối đa để PTI có ý kiến về việc Chủ xe cơ giới thực hiện tháo gỡ xe bị tai nạn là 03 ngày làm việc kể từ khi xe được đưa về xưởng sửa chữa.

1.3 Giảm trừ từ 50% đến 99% số tiền bồi thường trong trường hợp Chủ xe cơ giới không tạo điều kiện thuận lợi cho PTI trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường.

1.4. Giảm trừ từ 50% đến 100% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

a. Chủ xe cơ giới không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho PTI không hợp tác chặt chẽ với PTI để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho PTI.

b. Chủ xe cơ giới không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường. Lái xe không tạo điều kiện cho cơ quan chức năng xác định nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở.

1.5. Giảm trừ số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % trong các trường hợp sau: 



a. Xe chở/kéo/cầu quá trọng tải hoặc quá số người (từ trên 20% đến 50%) theo quy định tại Giấy chứng nhận kiểm định. Không áp dụng giảm trừ bồi thường đối với xe tải chở quá số người quy định.


b. Xe vượt quá tốc độ cho phép (từ trên 20% đến 50%) tại đoạn đường xảy ra tai nạn.

1.6. Giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí bảo hiểm thực nộp và số phí bảo hiểm phải nộp theo quy định trong trường hợp:

a. Chủ xe cơ giới kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm sai (không đúng mục đích sử dụng của xe) dẫn đến PTI tính và thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định.

b. Chủ xe cơ giới không thông báo cho PTI trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe).

2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường

Khi Chủ xe cơ giới bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, PTI lựa chọn áp dụng giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất. 

CHƯƠNG II

BẢO HIỂM THIẾT HẠI VẬT CHẤT XE CƠ GIỚI

Điều 14. Phạm vi bảo hiểm

1. PTI chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ xe cơ giới những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:

1.1. Đâm, va, lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, các vật thể khác từ bên ngoài tác động vào xe cơ giới.

1.2. Hỏa hoạn, cháy, nổ.

1.3. Những rủi ro bất khả kháng do thiên nhiên như: bão, sóng thần, gió lốc, mưa đá, lụt, triều cường; động đất, sục lở đất; sét đánh.

1.4. Mất toàn bộ xe do trộm, cướp.

2. Ngoài ra, PTI còn hoàn trả cho Chủ xe cơ giới những chi phí cần thiết và hợp lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của PTI khi xảy ra tai nạn (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm các chi phí sau:

2.1. Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm.

2.2. Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất.

Mức chi phí trên Chủ xe cơ giới và PTI thỏa thuận theo Hợp đồng bảo hiểm tối đa không vượt quá 5% số tiền bảo hiểm (trừ khi có văn bản thỏa thuận khác nhưng tối đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm).

Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của PTI (bao gồm các chi phí trên) đối với một sự kiện bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 15. Loại trừ bảo hiểm

Ngoài các điểm loại trừ chung quy định tại Điều 12 của Quy tắc này, PTI không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:

1. Tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản, giảm giá trị thương mại, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử).

2. Tổn thất của động cơ do nước lọt vào trong động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước (PTI sẽ nhận bảo hiểm nếu bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung).

3. Tổn thất riêng đối với lốp, bạt phủ thùng xe, nhãn mác, biểu tượng nhà sản xuất, chấn bụn, chụp đầu trục bánh xe, trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn.

4. Mất bộ phận của xe do bị trộm hoặc bị cướp (PTI sẽ nhận bảo hiểm nếu bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung).

5. Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê/cho mượn/siết nợ/cầm cố/tranh chấp kinh tế).

6. Thiệt hại xảy ra đối với máy móc, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào.

7. Tổn thất của các thiết bị, bạt phủ lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không tính các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe như hệ thống báo động, cảm biến báo lùi, cản trước, cản sau) (PTI sẽ nhận bảo hiểm nếu bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung).

8. Tổn thất do hàng hoá chở trên xe gây thiệt hại cho chính chiếc xe đó mà không xuất phát từ nguyên nhân đâm, lật, đổ xe.

Điều 16. Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm

1. Số tiền bảo hiểm là số tiền mà Chủ xe cơ giới yêu cầu PTI bảo hiểm cho xe của mình và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

2. Chủ xe cơ giới có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá trị thị trường của xe.

3. PTI xác định giá trị của xe tham gia bảo hiểm theo giá trị thị trường Việt Nam (là giá mua bán trung bình của chiếc xe tương tự cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất, cùng mẫu xe, cùng km lăn bánh, cùng mục đích sử dụng được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm xác định giá trị thực tế thị trường của xe) hoặc theo nguyên tắc như sau:

3.1. Đối với xe mới (100%), giá trị của xe là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.

3.2. Đối với xe cơ giới đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) với tỷ lệ (%) chất lượng còn lại được xác định trong tờ khai hải quan nhập khẩu.

a. Tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe tham gia bảo hiểm được xác định như sau:

- Thời gian đã sử dụng từ 01 năm trở xuống : 100%.
- Thời gian đã sử dụng từ trên 01 năm đến hết 03 năm : 85%.
- Thời gian đã sử dụng từ trên 03 năm đến hết 06 năm : 70%.
- Thời gian đã sử dụng từ trên 6 năm đến hết 10 năm : 55%.
- Thời gian đã sử dụng trên 10 năm : 40%.

b. Thời gian sử dụng xe là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết Hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 17. Bồi thường

1. Bồi thường tổn thất bộ phận.

1.1. PTI có toàn quyền quyết định lựa chọn PTI chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận

hoặc trả bằng tiền cho Chủ xe cơ giới để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng mức khấu trừ (nếu có).

1.2. Cách xác định số tiền bồi thường:

a. Trường hợp xe tham gia bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá thị trường của xe được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế.

b. Trường hợp xe tham gia bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất. Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới áp dụng theo quy định tại Điểm 1.2.c, Khoản 1, Điều 17 của Quy tắc này.

c. Trường hợp xe không tham gia Điều khoản bổ sung thay thế mới, PTI sẽ xác định chi phí hợp lý để thay thế mới bộ phận hư hỏng bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao tính theo tỷ lệ khấu hao được quy định:

- Đối với các loại xe thông dụng:

+ Xe còn giá trị từ 85% trở lên hoặc xe sử dụng dưới 03 năm không tính khấu hao sử dụng.

+ Xe còn giá trị từ 70% đến dưới 85% hoặc xe đã sử dụng từ 03 năm đến dưới 06 năm tính khấu hao sử dụng 15%.

+ Xe còn giá trị trên 50% đến dưới 70% hoặc xe đã sử dụng từ 06 năm đến dưới 10 năm tính khấu hao sử dụng 25%.

+ Xe đã sử dụng từ 10 năm đến 15 năm tính khấu hao sử dụng 35%.

+ Xe đã sử dụng trên 15 năm tính khấu hao 50%.

- Đối với xe đầu kéo, taxi, xe cho thuê tự lái, xe khách liên tỉnh:

+ Mức tính khấu hao tất cả các bộ phận là 150% so với các mức khấu hao của các loại xe thông dụng nêu trên.


+ Đối với những xe sử dụng từ 1 năm đến 3 năm áp dụng khấu hao 15%. Đối với những xe sử dụng dưới 1 năm không tính khấu hao.

- Quy định khác:

+ Đối với một số bộ phận như: Săm lốp, ắc quy, bạt phủ (thùng xe tải), lọc gió, lọc dầu, lọc xăng, dầu máy phải tính phần trăm (%) giá trị đã sử dụng tối đa không quá 50% (áp dụng kể cả khi tham gia điều khoản Bảo hiểm thay thế mới – BS02/PTI-XCG).

+ Trường hợp phụ tùng thay thế mới đã được thay thế một lần thì thời gian tính khấu hao tính từ thời điểm thay thế gần nhất đến khi bị tổn thất (Tuy nhiên lần thay thế trước phải là thay thế mới và có đầy đủ chứng từ để chứng minh việc thay thế mới này).

+ Tất cả các xe không mua điều khoản bảo hiểm bổ sung thay thế mới hoặc có năm sử dụng trên 15 năm đều áp dụng các quy định trên.

1.3. PTI bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tổn thất. 

2. Bồi thường tổn thất toàn bộ.

2.1. PTI bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thị trường của xe; hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá trị thị trường của xe tại thời điểm xảy ra tổn thất.

2.2. PTI có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ xe bị mất trộm, mất cướp khi có kết luận của cơ quan công an đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án hình sự hoặc bản án có hiệu lực của Tòa án liên quan đến mất trộm, mất cướp của chính chiếc xe đó.

2.3. Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá trị thị trường của xe tại thời điểm xảy ra tổn thất cùng chủng loại và thông số kỹ thuật và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm.

3. Thu hồi tài sản sau bồi thường.

Khi PTI đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của PTI, cụ thể:


3.1. Đối với trường hợp bồi thường thay thế bộ phận, PTI sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường (kể cả trường hợp trừ khấu hao) để phục vụ công tác quản lý rủi ro.

3.2. Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi PTI đã bồi thường toàn bộ xe thì toàn bộ giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất thuộc sở hữu của PTI. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì PTI thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp Chủ xe cơ giới có nhu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, PTI sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của PTI.

3.3. Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cướp thì PTI được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

Điều 18. Mức khấu trừ

1. Mức khấu trừ là số tiền được ấn định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm mà người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất bộ phận của xe tham gia bảo hiểm vật chất xe tại PTI.

2. Mức khấu trừ tối thiểu là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng/vụ. Trường hợp áp dụng mức khấu trừ cao hơn, mức khấu trừ sẽ được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm. 



16/28



CHƯƠNG III

BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

Điều 19. Đối tượng bảo hiểm

Lái xe, Phụ xe và những người khác được chở trên xe (gọi chung là Người được bảo hiểm).

Điều 20. Phạm vi bảo hiểm

- Thiệt hại thân thể đối với lái xe, phụ xe do tai nạn liên quan trực tiếp từ việc sử dụng xe.
- Thiệt hại thân thể đối với người ngồi trên xe do tai nạn khi đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình tham gia giao thông.

Điều 21. Loại trừ bảo hiểm

Ngoài các điểm loại trừ chung quy định tại điều 12 của Quy tắc này, PTI không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về thân thể của Người được bảo hiểm trong những trường hợp người được bảo hiểm có hành động cố ý tự gây tai nạn.

Điều 22. Quyền lợi của người được bảo hiểm

1. Trường hợp Người được bảo hiểm chết thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, PTI trả toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.

2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, căn cứ vào Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về người theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy tắc này, PTI sẽ chi trả như sau:

2.1. Trường hợp Chủ xe tham gia bảo hiểm với Số tiền bảo hiểm đến một trăm triệu đồng ($\leq 100.000.000$ đồng): PTI sẽ trả tiền bảo hiểm theo Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về người theo quy định tại Phụ lục 01 đính kèm Quy tắc này.

2.2. Trường hợp Chủ xe tham gia bảo hiểm với Số tiền bảo hiểm lớn hơn một trăm triệu đồng ($> 100.000.000$ đồng):

Số tiền chi trả = (tỷ lệ % Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về người theo quy định tại Phụ lục 01 x 100.000.000 đồng) + Chi phí trợ cấp

Trong đó chi phí trợ cấp = Số tiền bảo hiểm x 0,1% x số ngày điều trị và không vượt quá 2.000.000 đồng/ngày điều trị.

+ Trường hợp đa vết thương ở cùng một bộ phận, tổng số tiền chi trả cho các vết thương không được vượt quá tỷ lệ mất bộ phận đó tại Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về người theo quy định tại Phụ lục 01 đính kèm Quy tắc này.

+ Số ngày điều trị được xác định bởi số ngày điều trị nội trú trong bệnh viện và điều trị sau khi xuất viện. Số ngày điều trị sau khi xuất viện được xác định theo chỉ định của bác sĩ điều trị. Số ngày điều trị tối đa không vượt quá 180 ngày/vụ tai nạn.


Trong mọi trường hợp, tổng số tiền PTI chi trả không vượt quá số tiền bảo hiểm.

3. Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi) lớn hơn số người được bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm thì số tiền bảo hiểm được PTI trả sẽ giảm theo tỷ lệ giữa số người được bảo hiểm và số người



thực tế trên xe. Trẻ em dưới 7 tuổi được thanh toán 50% số tiền bảo hiểm theo những nguyên tắc trả tiền bảo hiểm quy định tại điểm 1, 2 điều này.

Điều 23. Trả tiền bảo hiểm

Tiền bảo hiểm được trả cho Người được bảo hiểm hoặc Người đại diện hợp pháp hoặc người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm. 



CHƯƠNG IV

BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN TRÊN XE

Điều 24. Phạm vi bảo hiểm

- PTI nhận bảo hiểm trách nhiệm của Chủ xe phải bồi thường cho chủ hàng về những tổn thất hàng hóa vận chuyển trên xe theo Bộ Luật dân sự trong những trường hợp xe bị đâm, va, lật, đổ, rơi; chìm; hỏa hoạn, cháy nổ; bị các vật thể khác rơi, va chạm vào; những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên: bão, lũ lụt, sạt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần;

- Ngoài ra, PTI còn thanh toán cho Chủ xe các chi phí cần thiết và hợp lý nhằm:

+ Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất cho hàng hóa.

+ Bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi hàng hóa trong quá trình vận chuyển do hậu quả của tai nạn.


PTI sẽ bồi thường theo giá trị thiệt hại thực tế của hàng hóa. Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường của PTI (bao gồm cả chi phí trên) không vượt quá tổng mức trách nhiệm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 25. Loại trừ bảo hiểm

Ngoài các điểm loại trừ chung quy định tại Điều 12, PTI còn không chịu trách nhiệm bồi thường trong những trường hợp sau:

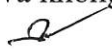
1. Chủ xe và/hoặc Lái xe thiếu trách nhiệm trong việc trông coi, bảo quản hàng hóa.
2. Mất cắp, trộm cướp (trừ trường hợp toàn bộ xe và hàng hóa cùng bị mất cắp, trộm cướp).
3. Tổn thất hàng hóa do sự bất giữ hay trưng dụng xe của cơ quan chức năng Nhà nước có thẩm quyền.
4. Xe không thích hợp với loại hàng hóa chuyên chở.
5. Hàng hóa hư hỏng tự nhiên do bản chất của hàng hóa, hư hỏng do không đủ phẩm chất, do bao bì đóng gói, do bị xô, lệch, va, đập trong quá trình vận chuyển mà không phải do xe bị đâm, va, lật, đổ, rơi, chìm.
6. Giao hàng chậm trễ và giao hàng không đúng người nhận; giao thiếu, không đúng chủng loại.
7. Hàng hóa bị cháy không phải do lỗi của bên vận tải; Súc vật bị chết do thời tiết hoặc dịch bệnh.
8. Tổn thất hay thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm:
 - 8.1 Vàng, bạc, đá quý (dạng nguyên thủy hoặc tinh chế).
 - 8.2 Đồ cổ, tranh ảnh nghệ thuật quý hiếm, cây cảnh, đá cảnh, sinh vật cảnh, đồ gỗ mỹ thuật.
 - 8.3 Tiền, các loại ấn chỉ, hóa đơn có giá trị như tiền.
 - 8.4 Thi hài, hài cốt.
 - 8.5 Chất phóng xạ.

Điều 26. Mức khấu trừ

PTI áp dụng mức khấu trừ là 0,5% tổng mức trách nhiệm bảo hiểm Chủ xe đã tham gia nhưng không thấp hơn 1.000.000 đồng/vụ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. 



Điều 27. Giá trị hàng hóa

Giá trị hàng hóa được tính tại thời điểm, địa điểm trước khi đưa hàng lên xe và không vượt quá giá trị thực tế trên thị trường ở nơi đưa hàng lên xe tại thời điểm đó. 

THỜI GIAN



CHƯƠNG V

BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE CƠ GIỚI ĐỐI VỚI NGƯỜI THỨ BA VÀ HÀNH KHÁCH TRÊN XE THEO MỨC TRÁCH NHIỆM TỰ NGUYỆN

- Các bên thoả thuận và đồng ý rằng, khi Chủ xe tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba và hành khách trên xe theo mức tự nguyện, nội dung Khoản 2 – Điều 9 Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định Quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới được sửa đổi, bổ sung theo nội dung sau:

+ Đối với mức trách nhiệm bắt buộc về người (100.000.000 đồng/người/vụ), PTI bồi thường theo Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về người ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BTC.

+ Đối với mức trách nhiệm vượt quá mức trách nhiệm bắt buộc về người (trên 100.000.000 đồng/người/vụ) được điều chỉnh tại Điều 28 dưới đây.

Điều 28. Quyền lợi của Người được bảo hiểm

1. Khi tai nạn xảy ra, trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm, PTI trả tiền bồi thường cho chủ xe cơ giới số tiền mà chủ xe cơ giới đã bồi thường hoặc sẽ phải bồi thường cho người bị thiệt hại.

Trường hợp chủ xe cơ giới chết hoặc bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn, PTI có quyền bồi thường trực tiếp cho người bị thiệt hại.

2. Trường hợp cần thiết, PTI sẽ tạm ứng ngay những chi phí cần thiết và hợp lý trong phạm vi trách nhiệm bảo hiểm nhằm khắc phục hậu quả tai nạn.

3. Bồi thường thiệt hại về người:

3.1 Mức trách nhiệm tự nguyện đến 100.000.000 đồng:

Số tiền bồi thường được tính theo Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về người theo quy định tại Phụ lục 01 đính kèm Quy tắc này. Đối với vụ tai nạn được cơ quan có thẩm quyền xác định nguyên nhân do lỗi hoàn toàn của bên thứ ba thì mức bồi thường bảo hiểm về người đối với các đối tượng thuộc bên thứ ba bằng 50% mức bồi thường theo quy định tại Điểm 3.1 – Điều 28

3.2 Mức trách nhiệm tự nguyện trên 100.000.000 đồng:

- Bồi thường thiệt hại trên 100.000.000 đồng được tính trên cơ sở thiệt hại thực tế hợp lý và mức độ lỗi của chủ xe cơ giới.

- Thiệt hại thực tế hợp lý bao gồm:

+ Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại; Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết (trường hợp tử vong). Những chi phí này bao gồm: tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đi cấp cứu tại cơ sở y tế, tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế, chi phí chiếu, chụp X quang, chụp cắt lớp, siêu âm, xét nghiệm, mổ, truyền máu, vật lý trị liệu... theo chỉ định của bác sĩ; tiền viện phí; tiền mua thuốc bổ, tiếp đạm, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho người bị thiệt hại theo

chỉ định của bác sĩ; các chi phí thực tế, cần thiết khác cho người bị thiệt hại (nếu có) và các chi phí cho việc lắp chân giả, tay giả, mắt giả, mua xe lăn, xe đẩy, nạng chống và khắc phục thẩm mỹ... để hỗ trợ hoặc thay thế một phần chức năng của cơ thể bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại (nếu có).

+ Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại trong quá trình điều trị thương tật.

+ Trường hợp người bị thiệt hại không còn khả năng lao động do bị liệt cột sống, mù hai mắt, liệt hai chi, bị tâm thần nặng và các trường hợp khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên thì tính thêm các thiệt hại gồm: Chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại bao gồm: chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị người bị thiệt hại và chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc người bị thiệt hại.

+ Thu nhập thực tế của nạn nhân được tính bằng thu nhập bình quân 6 tháng liền kề trước khi xảy ra tai nạn. Trường hợp không xác định được thu nhập thì mức thu nhập căn cứ theo mức lương tối thiểu theo quy định của nhà nước tại thời điểm tai nạn.

+ Mai táng phí: các khoản tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và các khoản chi khác phục vụ cho việc chôn cất hoặc hỏa táng nạn nhân theo thông lệ chung. Theo luật không phải bồi thường chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, bốc mộ.

+ Khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng trước khi chết hoặc trước khi mất khả năng lao động.

+ Các khoản mục thiệt hại khác theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp không có cơ sở xác định thiệt hại thực tế như quy định trên đây hoặc cơ sở xác định thiệt hại không đầy đủ thì được vận dụng trả tiền bồi thường theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo quy tắc này và trên cơ sở mức trách nhiệm 150.000.000 đồng.

4. Trong mọi trường hợp tổng số tiền bồi thường theo cả mức trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện không vượt quá số tiền hòa giải bồi thường giữa chủ xe cơ giới và nạn nhân, hoặc mức bồi thường theo quyết định của toà án.

5. Trường hợp nhiều xe cơ giới gây tai nạn dẫn đến các thiệt hại về người, mức bồi thường được xác định theo mức độ lỗi của chủ xe cơ giới nhưng tổng mức bồi thường không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm.

Điều 29. Điều khoản khác

Các quy định, điều kiện điều khoản khác được quy định theo Quy tắc bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.



CHƯƠNG VI

CÁC ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM BỔ SUNG

Chủ xe cơ giới có thể lựa chọn thêm một trong các Điều khoản bảo hiểm bổ sung để được tăng thêm quyền lợi bảo hiểm.

Tham gia thêm Điều khoản bảo hiểm bổ sung, Chủ xe cơ giới cần kê khai đầy đủ nội dung yêu cầu vào Giấy yêu cầu bảo hiểm để PTI làm cơ sở tính phí bảo hiểm và bồi thường.

Trên cơ sở Chủ xe cơ giới yêu cầu và đã đóng thêm phí bảo hiểm theo quy định, PTI nhận bảo hiểm bổ sung vào Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm các điều khoản bảo hiểm bổ sung riêng biệt sau đây:

Điều 30. Bảo hiểm xe cơ giới ngoài lãnh thổ Việt Nam - Mã số BS01/PTI-XCG

a. Điều kiện tham gia bảo hiểm:

Chủ xe cơ giới có Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với xe cơ giới tham gia bảo hiểm theo quy định của pháp luật giao thông đường bộ.

b. Điều kiện triển khai bảo hiểm xe cơ giới ngoài lãnh thổ Việt Nam: PTI có đại diện được ủy quyền giám sát việc thực hiện Hợp đồng bảo hiểm, cụ thể: thu thập hồ sơ, tài liệu vụ tai nạn; giám định hiện trường vụ tai nạn hoặc phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện...

c. Quyền lợi bảo hiểm: PTI bồi thường các tổn thất trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia có xe cơ giới Việt Nam được phép tham gia giao thông.

d. Loại trừ bảo hiểm bổ sung: Mất xe do bị trộm hoặc cướp tại các quốc gia tham gia bảo hiểm (ngoài lãnh thổ Việt Nam).

Điều 31. Bảo hiểm thay thế mới - Mã số BS02/PTI-XCG

a. Điều kiện xe tham gia bảo hiểm: Xe có thời gian sử dụng đến dưới 15 năm kể từ năm sản xuất.

b. Quyền lợi bảo hiểm: PTI sẽ bồi thường các bộ phận bị hư hỏng cần phải thay thế thuộc phạm vi bảo hiểm mà không trừ phần hao mòn (khấu hao) sử dụng.

Điều 32. Bảo hiểm vật chất đối với xe miễn thuế, tạm nhập, tái xuất - Mã số BS03/PTI-XCG

a. Điều kiện tham gia bảo hiểm:

- Xe tạm nhập vào Việt Nam sau đó xuất sang nước ngoài.
- Xe miễn thuế nhập khẩu.
- Xe của cơ quan ngoại giao và tổ chức, cá nhân nước ngoài.

b. Quyền lợi bảo hiểm:

- Trường hợp xe bị tổn thất bộ phận: PTI bồi thường trên cơ sở xe tham gia bảo hiểm đúng giá trị với số tiền bảo hiểm tương đương với xe cùng loại đã tính các loại thuế.

- Trường hợp xe bị tổn thất toàn bộ hay toàn bộ ước tính: PTI bồi thường cho Chủ xe cơ giới bằng số tiền tham gia bảo hiểm và không vượt quá giá xe cùng chủng loại và thông số kỹ thuật chưa tính các loại thuế tại thời điểm ngay sau khi xe bị thiệt hại.

c. Điều kiện bồi thường: Xe phải được sửa chữa trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Điều 33. Bảo hiểm xe bị mất trộm, cướp bộ phận - Mã số BS04/PTI-XCG

a. Phạm vi bảo hiểm: Xe bị mất trộm, cướp bộ phận được gắn liền trên xe tại thời điểm tổn thất.

b. Quyền lợi bảo hiểm:

- PTI chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để thay thế bộ phận bị tổn thất hoặc trả bằng tiền cho Chủ xe cơ giới để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí khắc phục tổn thất có thể phải trả.

- Giới hạn số lần mất trộm/cướp: không quá 02 lần/năm bảo hiểm.

c. Mức khấu trừ tối thiểu: 20% tổn thất và tối thiểu 2.000.000 đồng/vụ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, tùy chọn điều kiện nào lớn hơn.

Điều 34. Bảo hiểm lựa chọn cơ sở sửa chữa - Mã số BS05/PTI-XCG

a. Điều kiện xe tham gia bảo hiểm: Xe được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu có hệ thống đại lý sửa chữa ủy quyền của các Hãng sản xuất.

b. Quyền lợi bảo hiểm:

PTI đồng ý để Chủ xe lựa chọn cơ sở sửa chữa, bao gồm cơ sở được ủy quyền của Hãng sản xuất ra chiếc xe đó trong lãnh thổ Việt Nam. Điều khoản này không đồng nghĩa với việc PTI chấp nhận bất kỳ mức giá nào do cơ sở sửa chữa đó đưa ra. Trong mọi trường hợp, chi phí sửa chữa chỉ được PTI chấp nhận khi và chỉ khi đó là mức giá hợp lý, phù hợp với tình trạng thực tế của xe tại thời điểm bị tai nạn và phù hợp với giá thị trường tại thời điểm sửa chữa.

Chi phí sửa chữa sẽ được PTI xem xét trên cơ sở chi phí sửa chữa hợp lý của các cơ sở sửa chữa trên cùng địa bàn có quy mô tương tự.

Điều 35. Bảo hiểm tổn thất về động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước - Mã số BS06/PTI-XCG

a. Quyền lợi bảo hiểm: PTI sẽ trả tiền bồi thường chi phí sửa chữa, thay thế những thiệt hại thực tế của xe do nước lọt vào động cơ gây ra hiện tượng thủy kích khi xe hoạt động trong vùng đang bị ngập nước.

b. Mức khấu trừ: 20% số tiền bồi thường và tối thiểu 3.000.000 đồng/vụ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, tùy chọn điều kiện nào lớn hơn.

Điều 36. Bảo hiểm thay thế xe mới trong năm đầu tiên - Mã số BS07/PTI-XCG

+ Nếu xe cơ giới có thời gian đã sử dụng từ 1 năm trở xuống tham gia bảo hiểm vật chất xe cơ giới bị tổn thất toàn bộ theo quy tắc thuộc phạm vi bảo hiểm, PTI đồng ý chi trả chi phí cần thiết để thay thế xe mới với cùng hiệu xe trên cơ sở thỏa thuận giữa PTI và chủ xe.

+ Thời gian đã sử dụng của xe được tính từ năm đăng ký lần đầu đến năm tham gia bảo hiểm.

Điều 37. Bảo hiểm áp dụng mức khấu trừ bậc thang - Mã số BS08/PTI-XCG

+ Mức khấu trừ (miễn thường có khấu trừ) là số tiền được ấn định trên Hợp đồng bảo hiểm mà người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất bộ phận của xe tham gia bảo hiểm vật chất xe tại PTI.

+ Mức khấu trừ bậc thang áp dụng mức khấu trừ tăng dần sau mỗi lần khiếu nại bồi thường như sau:

| | Bồi thường lần 1 | Bồi thường lần 2 | Bồi thường lần 3 | Bồi thường lần 4 | Bồi thường lần 5 và các lần tiếp theo |
|-------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|---------------------------------------|
| Mức khấu trừ/vụ (bao gồm VAT) | 500.000đ | 1.000.000đ | 1.500.000đ | 2.000.000đ | 2.500.000đ |

Điều 38. Bảo hiểm thuê xe trong thời gian sửa chữa (Bảo hiểm gián đoạn sử dụng xe) - Mã số BS09/PTI-XCG

a. Điều kiện xe tham gia bảo hiểm: Xe cơ giới chở người không kinh doanh vận tải dưới 9 chỗ ngồi.

b. Quyền lợi bảo hiểm:

- PTI sẽ thanh toán cho Chủ xe cơ giới chi phí thuê xe sử dụng trong thời gian sửa chữa xe do tai nạn thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, không tính thời gian xe bị cơ quan chức năng giữ xe.

- Chi phí thuê xe được thanh toán: PTI sẽ thanh toán 500.000 đồng/ngày trong thời gian xe sửa chữa.

- Thời gian thanh toán chi phí thuê xe tối đa không quá 30 ngày/năm bảo hiểm.

c. Mức miễn thường có khấu trừ: 04 ngày/vụ.

Điều 39. Bảo hiểm vật chất xe cơ giới lưu hành tạm thời - Mã số BS10/PTI-XCG

a. Phạm vi bảo hiểm: Tổn thất về xe cơ giới lưu hành trong thời gian từ xưởng sản xuất, kho hải quan đến nơi giao nhận xe, hoặc từ kho hải quan đến nơi giao nhận xe.

b. Điều kiện tham gia bảo hiểm:

Điều khoản này áp dụng cho xe mới xuất xưởng và xe nhập khẩu:

- Xe mới xuất xưởng phải có Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng xe xuất xưởng.

- Xe nhập khẩu từ kho, cảng phải có Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng xe nhập khẩu và hồ sơ hoàn tất thủ tục hải quan.

c. Thời hạn bảo hiểm: Không quá 15 ngày (trừ khi có thoả thuận khác bằng văn bản).

d. Loại trừ bảo hiểm: Xe bị tổn thất do lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất, lắp ráp.

Điều 40. Bảo hiểm vật chất xe không được cấp Giấy phép lưu thông đường bộ - Mã số BS11/PTI-XCG

a. Điều kiện xe tham gia bảo hiểm: áp dụng cho phương tiện cơ giới tham gia bảo hiểm vật chất không lưu thông trên đường bộ, chỉ hoạt động trong phạm vi công trường, nông trường, xí nghiệp, cảng bốc dỡ, kho chứa hàng.

b. Quyền lợi bảo hiểm:

- PTI sẽ trả tiền bồi thường chi phí sửa chữa, khắc phục những thiệt hại thuộc phạm vi bảo hiểm của xe khi xảy ra tai nạn trong công, nông trường, xí nghiệp, cảng bốc dỡ, kho chứa hàng.

- Giấy chứng nhận bảo hiểm được ghi theo số khung, số máy.

Điều 41. Bảo hiểm cho xe tập lái - Mã số BS12/PTI-XCG

a. Điều kiện tham gia bảo hiểm: Xe tham gia bảo hiểm phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu dành cho xe tập lái. Giáo viên hướng dẫn tập lái phải có chứng chỉ hành nghề do cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

b. Quyền lợi bảo hiểm: PTI sẽ trả tiền bồi thường cho Chủ xe cơ giới các tổn thất, thiệt hại vật chất xe thuộc phạm vi bảo hiểm.

c. Loại trừ bảo hiểm: Khi xảy ra tai nạn không có giáo viên hướng dẫn tập lái

Điều 42. Bảo hiểm cho thiết bị lắp thêm - Mã số BS13/PTI-XCG

a. Phạm vi bảo hiểm: Tổn thất của các thiết bị, bộ phận lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của Nhà sản xuất đã lắp ráp.

b. Quyền lợi bảo hiểm: PTI chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để thay thế bộ phận bị tổn thất hoặc trả bằng tiền cho Chủ xe cơ giới để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí khắc phục tổn thất có thể phải trả.


Điều 43. Bảo hiểm mất trộm, cướp chìa khóa xe - Mã số BS14/PTI-XCG

+ PTI chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để thay thế chìa khóa xe bị mất, mất trộm, cướp cho Chủ xe cơ giới để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí khắc phục tổn thất có thể phải trả.

+ Giới hạn số lần mất trộm/cướp: 01 lần/năm bảo hiểm.

+ Mức khấu trừ tối thiểu: 20% tổn thất và tối thiểu 2.000.000 đồng/vụ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, tùy chọn điều kiện nào lớn hơn.

Điều 44. Điều khoản tự động thêm hoặc bớt xe (khai báo trong vòng 07 ngày) - Mã số BS15/PTI-XCG

Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng hợp đồng này cho phép tự động bảo hiểm bổ sung đối với tất cả xe mới hoặc xe được thêm vào và những bộ phận được đính kèm với chúng được định nghĩa dưới điều khoản “Bảo hiểm cho thiết bị lắp thêm” (nếu được áp dụng) với giá trị bảo hiểm tương đương với các xe hiện được bảo hiểm trong hợp đồng, kể từ thời điểm: 





- + Chủ xe cơ giới có quyền lợi được bảo hiểm đối với các xe đó, hoặc
- + Quyền sở hữu đối với xe hoặc bộ phận đó được chính thức chuyển giao cho Chủ xe cơ giới, hoặc
- + Chủ xe cơ giới chịu trách nhiệm pháp lý đối với các xe hoặc bộ phận đó.

Chủ xe cơ giới có trách nhiệm thông báo cho PTI về bất kỳ sự thay đổi nào về số lượng xe tăng thêm trong vòng 07 ngày kể từ khi có sự thay đổi nêu trên. Tuy nhiên, Chủ xe cơ giới phải thông báo ngay lập tức cho PTI kể từ thời điểm có sự thay đổi nếu tổng giá trị được bảo hiểm vượt quá 120% của tổng số tiền bảo hiểm ban đầu.

Miễn rằng việc bảo hiểm tự động đối với xe thêm hoặc bớt sẽ không áp dụng đối với:

- + Xe không đủ điều kiện lưu thông bình thường

Phí bảo hiểm bổ sung và/hoặc hoàn lại sẽ được tính trên cơ sở tỷ lệ. Nhưng phí bảo hiểm sẽ không hoàn lại cho những xe đã được thanh toán bồi thường trong thời hạn Bảo hiểm.

Điều 45. Bảo hiểm hàng hóa trên xe cùng chủ - Mã số BS16/PTI-XCG

a. Điều kiện tham gia bảo hiểm:

- Áp dụng cho xe chở hàng và phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong của Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe ô tô của PTI.
- Xe tham gia bảo hiểm phải đồng thời có bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hàng hóa vận chuyển trên xe.


b. Quyền lợi bảo hiểm: PTI sẽ trả tiền bồi thường trong phạm vi trách nhiệm bảo hiểm đối với những thiệt hại về hàng hoá được chở trên xe do Lái xe gây ra kể cả trường hợp Chủ xe đồng thời là Chủ hàng.

(Trường hợp Chủ xe là Lái xe đồng thời cũng là Chủ hàng thì không thuộc phạm vi bảo hiểm của điều khoản này).

Điều 46. Điều khoản mở rộng thời hạn bảo hiểm (30 ngày, phụ phí tính theo tỷ lệ) - Mã số BS17/PTI-XCG


Theo yêu cầu của Chủ xe cơ giới, PTI đồng ý gia hạn bảo hiểm thêm 30 ngày kể từ ngày kết thúc hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm này, với điều kiện Chủ xe cơ giới phải trả thêm phí tính theo tỷ lệ trong thời hạn gia hạn này.

Điều 47. Điều khoản về trách nhiệm chéo - Mã số BS18/PTI-XCG

Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng từ ngữ “Chủ xe cơ giới” sẽ được xem xét áp dụng cho mỗi đối tác của Chủ xe cơ giới như nhau được liệt kê trong Hợp đồng bảo hiểm, theo đó PTI đồng ý từ bỏ quyền khiếu nại trách nhiệm có thể có chống lại các đối tác đó, trong trường hợp vụ tai nạn xảy ra do lỗi của các đối tác này gây thiệt hại đến các xe cơ giới được bảo hiểm trong Hợp đồng bảo hiểm này. 



Điều 48. Điều khoản bảo hiểm khác

Ngoài các điều khoản bảo hiểm trên, tất cả các yêu cầu bảo hiểm khác của Bên mua bảo hiểm/ Chủ xe có thể được thỏa thuận bảo hiểm bổ sung bằng văn bản theo các điều khoản riêng biệt trên cơ sở Bên mua bảo hiểm/ Chủ xe đồng ý và được sự chấp thuận của PTI. 

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC 



Nghiêm Xuân Thái

